

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14-02-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thái Thor

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Bùi Văn Phục

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 638/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án,

nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Thời gian chung sống vợ chồng có 02 đứa con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 22/05/2005, giới tính: Nam và Nguyễn Văn T2, sinh ngày 10/08/2006, giới tính: Nam.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2021 thì thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng vợ chồng không còn hợp nhau trong nhiều quan điểm sống, thường xảy ra tranh cãi trong gia đình, cả hai đã không còn quan tâm chia sẻ nhau, tình cảm vợ chồng ngày một phai nhạt, nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Đến nay đã nhiều lần nguyên đơn hàn gắn tình nghĩa vợ chồng nhưng tất cả đều không thành. Trong năm 2021 vợ chồng sống ly thân đến nay.

Nay xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn T; về con chung: Có 02 đứa con chung là Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2, hiện các con đều trưởng thành nên không yêu cầu xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt trình bày tố tụng nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Căn cứ quy định tại Điều 51 Luật

Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn ông Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú ở ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu ly hôn vì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên hôn nhân không hạnh phúc. Bị đơn đã được Tòa án thông báo nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản đối, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Do vậy, có cơ sở để xác định mối quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2, hiện các con chung đều thành niên nên không xem xét.

[6] Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không xem xét, giải quyết do chưa có yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007263 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân

sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Bà Nguyễn Thị L không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H Phụng Hiệp;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hà Thái Thơ